

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên và bà Đinh Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc H., sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn V.T, xã B.Kh, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị M., sinh năm 1982;

HKTT: Thôn V.T, xã B.Kh, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

Hiện cư trú và làm việc tại Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2006; Địa chỉ: Thôn Ng.C, xã Th.Kh, huyện B.G, tỉnh Hải Dương.

4. Người làm chứng:

- Ông Bùi Đức Kh., sinh năm 1957 và bà Đào Thị V., sinh năm 1958; Điều địa chỉ: Thôn Ng.C, xã Th.Kh, huyện B.G, tỉnh Hải Dương.

- Bà Vũ Thị L., sinh năm 1953 và ông Nguyễn Văn T., sinh năm 1956; Điều địa chỉ: Thôn V.T, xã B.Kh, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H. trình bày: Anh và chị Bùi Thị M. sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B.Kh, thành phố H.Y, ngày 10/3/2005. Sau khi kết hôn anh và chị M. chung sống tại gia đình bố mẹ anh. Năm 2009, anh và chị M. đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan nhưng mỗi người làm việc tại một công ty, không chung sống cùng nhau. Năm 2012, anh về nước còn chị M. vẫn sinh sống, lao động tại Đài Loan. Anh và chị M. đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, chị M. có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh và chị M. thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị M..

Bị đơn chị Bùi Thị M. trình bày: Chị M. thống nhất với lời khai của anh H. về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Theo chị nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, chị và anh H. không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế. Chị và anh H. sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H..

Về con chung: Anh H. và chị M. đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 25/9/2006, hiện nay cháu H1 đang ở với ông bà ngoại là ông Kh., bà V.. Anh H. và chị M. đều thống nhất để chị M. tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh H. tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng một tháng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Chị M. nhờ bố mẹ để ông Kh., bà V. nuôi cháu H1 cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh H. và chị M. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Ngọc H. và chị Bùi Thị M. đều đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cháu Nguyễn Huy H1 trình bày: Cháu hiện nay đang sống với ở nhà ông bà ngoại, cháu đang học lớp 11 Trường THPT Kẻ Sặt. Mẹ M. đang lao động tại Đài Loan, vẫn gọi điện về cho cháu, trường hợp bố mẹ không ở với nhau, cháu có nguyện vọng ở với mẹ M..

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn T., bà Vũ Thị L. trình bày: Anh H. là con trai của ông, bà đã kết hôn với chị Bùi Thị M., có đăng ký kết hôn và được UBND xã B.Kh cấp giấy kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh H. và chị M. chung sống hạnh phúc đã có một con chung. Quá trình chung sống, anh H., chị M. phát sinh mâu thuẫn do không hợp dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh H. xin ly hôn chị M., ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H., chị M. được ly hôn để ổn định cuộc sống. Anh H. và chị M. có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 25/9/2006 đang ở với ông bà ngoại. Anh H. và chị M. ly hôn ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con theo nguyện vọng của cháu H1 và thỏa thuận của anh H., chị M. để đảm bảo quyền lợi cho cháu H1. Anh H. và chị M. không liên quan gì về kinh tế với gia đình ông bà.

- Ông Bùi Đức Kh. và bà Đào Thị V. trình bày: Ông, bà là bố mẹ đẻ của chị M.. Nguyên nhân anh H., chị M. mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, kinh tế không thống nhất, thường xuyên cãi chửi nhau. Nay anh H. có đơn xin ly hôn với chị M., ông bà nhất trí để anh H., chị M. ly hôn. Anh H., chị M. có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 25/9/2006 đang ở với ông bà. Cháu H1 có nguyện vọng ở với chị M. nên ông bà nhận trách nhiệm nuôi cháu H1 cho đến khi chị M. về nước. Anh H. và chị M. không liên quan gì về kinh tế với gia đình ông, bà.

Ủy ban nhân dân xã B.Kh, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên cung cấp:

Anh H. và chị M. đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã B.Kh, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên vào ngày 10/3/2005. Quá trình anh H., chị M. chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, hiện nay chị M. lao động tại Đài Loan. Anh H. và chị M. có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 25/9/2006 ở với chị M.. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp: Trường hợp Bùi Thị M. có thông tin xuất cảnh 11 lần, lần cuối sử dụng hộ chiếu số N2004369 để xuất cảnh ngày 30/01/2020 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc H.. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử: cho anh Nguyễn Ngọc H. được ly hôn chị Bùi Thị M.. Giao cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 25/9/2006 cho chị Bùi Thị M. tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H. cấp dưỡng nuôi con chung với chị M. là 2.000.000 đồng một tháng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kh., bà V. nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H1 cho đến khi chị M. về nước.

Về án phí: Anh H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công Kh. tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc H. và chị Bùi Thị M. đều có hộ khẩu thường trú tại thôn V.T, xã B.Kh, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên, hiện chị M. đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228,

Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa anh H. và chị M. được xác lập hợp pháp từ ngày 10/03/2005. Hai anh chị đều khẳng định vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, kết quả có con chung. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, về làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau, anh H. nghi ngờ chị M. không chung thủy, anh chị đều không có sự tôn trọng lẫn nhau. Hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Anh H. và chị M. đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Hai bên thực sự không còn quan tâm, chia sẻ, liên lạc với nhau, kinh tế độc lập, việc của ai người đó làm. Anh H. và chị M. đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh H. xin ly hôn chị M., chị M. nhất trí giải quyết ly hôn. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H. và chị M. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H. được ly hôn với chị M. để hai anh chị sớm ổn định cuộc sống mới.

[2.2] Về con chung: Anh H. và chị M. có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 25/9/2006. Cháu H1 có nguyện vọng ở với chị M.. Anh H. và chị M. thống nhất, chị M. tiếp tục nuôi cháu H1, anh H. tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng số tiền là 02 triệu đồng, tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho chị M. nuôi dưỡng và chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kh., bà V. chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 cho đến khi chị M. về nước. Anh H. có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh H. và chị M. có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh H. và chị M. không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc H. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 236, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc H..

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Ngọc H. được ly hôn chị Bùi Thị M..

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị M. tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 25/9/2006 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H. cấp dưỡng nuôi cháu H1 hàng tháng với chị M. số tiền là 2.000.000 đồng một tháng, tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh H. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, anh H., chị M. có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị M. có đơn yêu cầu thi hành khoản cấp dưỡng nuôi con, nếu anh H. không thi hành còn phải chịu lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh H. và chị M. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc H. phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000200 ngày 28/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh H. còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc H. được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, chị Bùi Thị M. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã B.Kh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nga